

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2026/DS-ST

Ngày: 20-7-2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ

2. Ông Hà Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Phạm Phước D, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Lê D1, sinh năm 1976 và bà Hà Mỹ C, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Ông D, ông D1 và bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025 của ông Nguyễn Văn T; lời trình bày trong quá trình tố tụng của người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Phạm Phước D có nội dung:*

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là:

- Tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả: Tính từ ngày 15/7/2025 đến ngày Toà án đưa vụ kiện ra xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng (tính tròn 23 tháng) với số tiền là 3.818.000 đồng.

Về lý do khởi kiện: Ngày 15/8/2024, ông T có cho ông D1 và bà C vay số tiền 20.000.000 đồng, nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, thời hạn thanh toán là 10 ngày, lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 1.5%/tháng (nay chỉ yêu cầu mức lãi suất 0.83%/tháng). Ông D1 và bà C có ký giấy nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày vay tiền ông D1 và bà C không trả vốn, lãi cho ông T nên ông T khởi kiện.

** Ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nên không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên toà, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 21, 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông D1 và bà C liên đới trả cho ông T số tiền vay còn thiếu trong đó: Tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng; Tiền lãi chậm trả 0.83%/tháng từ ngày 15/8/2024 đến ngày 20/7/2026 (làm tròn 13 tháng như phía nguyên đơn yêu cầu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Trong đó xác định ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn (do ông Nguyễn Phạm Phước D là người đại diện theo uỷ quyền), ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét việc vắng mặt của ông Nguyễn Phạm Phước D có đơn xin vắng mặt, ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C vắng mặt lần 02 không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn T yêu cầu:

Ông T có cung cấp 01 giấy không tựa, có nội dung: “*hôm nay ngày 15/8/2024 chúng tôi tên Hà Mỹ C Lê D1 ... có mượn anh T số tiền là 20.000.000 (hai chục triệu) để trả đáo hạn ngân hàng sau mười ngày trả lại*” cùng chữ ký (dạng chữ viết) “D1”, “C” và chữ ghi họ tên “Lê D1”, “Hà Mỹ C” ở cuối tờ giấy.

Phía bị đơn là ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C vắng mặt. Tuy nhiên, Kết luận giám định số 299/2026/KL-KTHS-KV2, ngày 07/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh V xác định: Chữ ký (dạng chữ viết) “D1” và chữ ghi họ tên “Lê D1” ở cuối

tờ giấy so với mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra; chữ ký (dạng chữ viết) “C” và chữ ghi họ tên “Hà Mỹ C” ở cuối tờ giấy so với mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Do đó đủ căn cứ xác định ông D1 và bà C có ký tên vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng. Do ông D1 và bà C ký giấy vay tiền của ông T, có hứa thời gian thanh toán 10 ngày kể từ ngày 15/8/2024 nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận, ông T yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Đối với việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 15/8/2024 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do các bên có thoả thuận thời hạn trả là 10 ngày kể từ ngày vay, nhưng quá thời hạn ông D1 và bà C không trả tiền, ông T yêu cầu trả lãi của số tiền vốn chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T cho rằng có thoả thuận bằng lời nói lãi suất 1.5%/tháng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền thay đổi mức lãi suất thành 0.83%/tháng, xét mức lãi suất này phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Trường hợp này, thời hạn bắt đầu tính lãi được xác định là ngày vay. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu được tính: 20.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 23 tháng (làm tròn theo yêu cầu của phía nguyên đơn) = 3.818.000 đồng.

Buộc ông D1 và bà C liên đới trả cho ông T tổng số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là: 23.818.000 đồng.

Về tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án trong quá trình thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Ông D1 và bà C phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền trả cho ông T. Đồng thời phải chịu chi phí trưng cầu giám định đã thực hiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Cụ thể tuyên:

[1]. Buộc ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là 23.818.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm mười tám nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 14/8/2024 đến ngày 20/7/2026 (làm tròn 23 tháng theo yêu cầu của nguyên đơn), mức lãi suất 0.83% là: 3.818.600 đồng (ba triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C phải liên đới nộp 1.191.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng).

[3]. Chi phí trưng cầu giám định: 6.664.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C liên đới chịu. Ông Nguyễn Văn T đã nộp nên buộc ông Lê D1 và bà Hà Mỹ C liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 6.664.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng